

Vietnam Daily Review

Phiên tăng điểm mạnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 2/8/2022		●	
Tuần 1/8-5/8/2022		●	
Tháng 7/2022		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường có một phiên giao dịch đầu tuần tích cực, VN-Index tăng điểm ngay từ lúc mở cửa và duy trì đà đi lên mạnh mẽ đến lúc kết phiên, đóng cửa tăng 25 điểm so với phiên trước đó cùng thanh khoản vượt trội. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với toàn bộ 30/30 mã thuộc nhóm VN30 tăng điểm, trong đó nhóm cổ phiếu Chứng khoán dẫn đầu đà tăng; các cổ phiếu Ngân hàng, Vật liệu xây dựng, Bất động sản,... cũng có một phiên giao dịch tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Ngưỡng kháng cự tiếp theo mà VN-Index phải vượt qua là ngưỡng 1285.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc Long các HĐTL trong các phiên giao dịch tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 01/08/2022, các chứng quyền tăng theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật (trang 2): NLG_Tín hiệu hồi phục

Điểm nhấn:

- VN-Index **+25.02** điểm, đóng cửa **1231.35** điểm. HNX-Index **+6.01** điểm, đóng cửa **294.62** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+2.76)**, **BID (+2.21)**, **HPG (+1.97)**, **CTG (+1.87)**, **MSN (+1.19)**.
- Kéo chỉ số giảm: **HNG (-0.1)**, **VSH (-0.07)**, **HDG (-0.06)**, **SVC (-0.06)**, **VGC (-0.04)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 15,235 tỷ đồng, tăng **17.95%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 16,196 tỷ đồng.
- Biên độ giao động: 22.31 điểm. Thị trường có **359** mã tăng, 60 mã tham chiếu, **105** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **655.4** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **SSI (113.75 tỷ)**, **STB (104.58 tỷ)**, **HPG (75.92 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-9.56** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1231.35**

Giá trị: 15234.65 tỷ **25.02 (2.07%)**

Khối ngoại (ròng): 655.4 tỷ

HNX-INDEX **294.62**

Value: 1522.23 tỷ **6.01 (2.08%)**

Khối ngoại (ròng): -9.56 tỷ

UPCOM-INDEX **88.87**

Giá trị: 0.91 tỷ **0.3 (0.33%)**

Khối ngoại (ròng): -19.22 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	96.4	-2.27%
Giá vàng	1,766	0.03%
Tỷ giá USD/VND	23,354	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	44,774	0.89%
Tỷ giá JPY/VND	17,622	0.00%
LS liên NH 1 tháng	4.2%	0.48%
LS TPCP 5 năm	3.4%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SSI	113.8	DGC	-39.5
STB	104.6	TLG	-31.8
HPG	75.9	FUEVFNVD	-22.2
CTG	65.4	VGC	-15.6
KBC	65.3	FRT	-12.3

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật
NLG_Tín hiệu hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: tích cực
- Chỉ báo xu hướng MACD: MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: xu hướng tăng

Nhận định: NLG có một phiên tăng điểm tốt với thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI tiếp tục cho thấy xu hướng tích cực. Đường giá cổ phiếu đã ở trên đường MA20 và MA50, đường MA20 vẫn đang ở dưới đường MA50 tuy nhiên đang có xu hướng cắt lên.

Khuyến nghị: BSC khuyến nghị các nhà đầu tư trung hạn có thể mở vị thế tại ngưỡng 41.25, chốt lãi tại ngưỡng 48.25 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 38.6.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

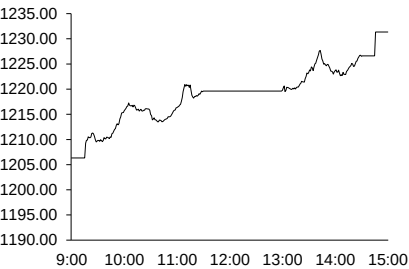
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	0.83%
Y tế	0.44%
Ngân hàng	0.20%
Hóa chất	0.01%
Viễn thông	0.00%
Dầu khí	-0.01%
Bán lẻ	-0.05%
Xây dựng và Vật liệu	-0.26%
Thực phẩm và đồ uống	-0.27%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.41%
Bất động sản	-0.49%
Công nghệ Thông tin	-0.59%
Du lịch và Giải trí	-0.59%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.73%
Ô tô và phụ tùng	-0.79%
Bảo hiểm	-1.26%
Dịch vụ tài chính	-1.38%
Tài nguyên Cơ bản	-1.56%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.60%

Hình 1

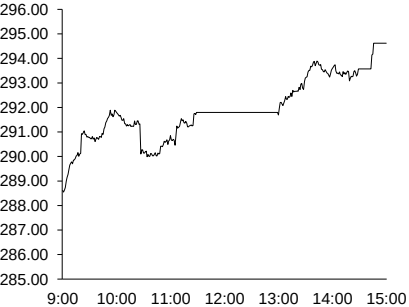
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
7/18/2022	GVR	23.2	26.5	21.9	24.7	14	6.47%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:								(**) Tiệm cận giá mục tiêu

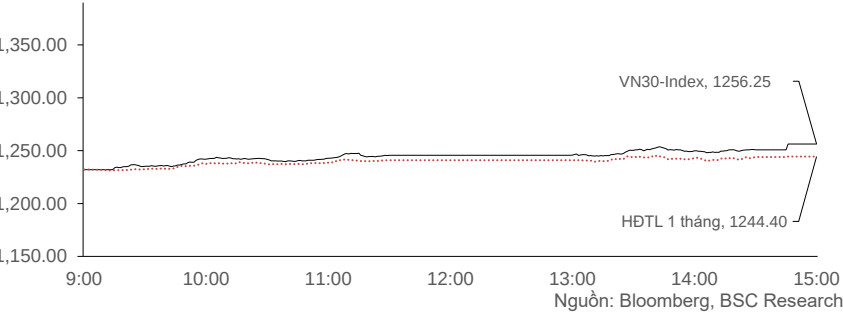
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
7/20/2022	HAH	67.9	78.5	64.1	SL	7	-5.60%
6/28/2022	C47	13.25	16	12.8	SL	8	-3.40%
6/27/2022	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/23/2022	GMD	53	60	49.5	SL	12	-6.60%
6/7/2022	GIL	76.8	86	72	SL	6	-6.25%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
6/1/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
5/31/2022	CTD	54.5	61	51	SL	20	-6.42%
5/30/2022	PDR	55.3	61.3	52	SL	11	-5.97%
5/27/2022	MWG	146.7	162	140	SL	17	-4.57%
5/25/2022	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
5/19/2022	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất			TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm		

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	1	0	6.47%	0.00%	6.47%	14
Cổ phiếu đã chốt	249	222	7.10%	-7.53%	4.19%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2208	1244.40	1.11%	-11.85	20.3%	200,993	8/18/2022	19
VN30F2209	1240.10	0.83%	-16.15	247.0%	1,048	9/15/2022	47
VN30F2212	1239.20	0.83%	-17.05	829.2%	223	12/15/2022	138
VN30F22303	1238.90	0.76%	-17.35	171.4%	57	3/16/2023	229

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng +24.25 điểm lên 1256.25 điểm, biên độ dao động 23.46 điểm. Các cổ phiếu như HPG, MSN, MBB, TCB và SSI đã tác động đến nhịp vận động tích cực của VN30. Chỉ số VN30 hôm nay vận động trong biên độ rộng với mức thanh khoản trên ngưỡng trung bình 20 phiên hình thành cây nến tăng marubozu hoàn hảo. Các chỉ báo kỹ thuật và mẫu hình nến vẫn tiếp tục ủng hộ cho xu hướng hồi phục của chỉ số. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc Long các HĐTL trong các phiên giao dịch tới.
- Các HĐTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, có sự cân bằng khi các hợp đồng các HĐ VN30F209 và VN30F2212 tăng, các HĐ VN30F205 và VN30F2206 giảm so với phiên trước đó. Xét về vị thế mở, tương tự KLGD khi các hợp đồng các HĐ VN30F209 và VN30F2212 tăng, các HĐ VN30F205 và VN30F2206 giảm so với phiên trước đó.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVHM2207	10/19/2022	79	7.77:1	1,000	25.51%	2,000	390	85.71%	44	8.86	85,537	73,000	60,000
CHPG2210	10/20/2022	80	6.05:1	53,200	37.49%	1,100	80	60.00%	1	55.93	81,516	47,777	22,800
CHPG2203	9/20/2022	50	3.02:1	587,000	37.49%	2,200	30	50.00%	0	1,642.47	43,125	51,500	22,800
CHPG2207	9/26/2022	56	2.26:1	5,700	37.49%	2,200	80	33.33%	0	1,055.75	40,245	51,500	22,800
CKDH2205	9/26/2022	56	2.72:1	44,300	35.51%	1,750	50	25.00%	11	4.53	65,158	58,000	38,500
CVRE2207	10/20/2022	80	8:1	440,600	40.44%	1,000	250	19.05%	109	2.29	33,333	33,333	29,000
CHPG2212	12/27/2022	148	7.56:1	1,678,700	37.49%	1,000	320	14.29%	101	3.16	28,812	36,789	22,800
CSTB2209	10/19/2022	79	3:1	13,500	47.18%	2,400	640	12.28%	162	3.96	33,830	32,000	25,200
CVRE2211	3/28/2023	239	8:1	809,200	40.44%	1,000	860	11.69%	527	1.63	28,888	28,888	29,000
CVHM2205	8/15/2022	14	15.5:1	19,600	25.51%	1,000	20	0.00%	0	840,146.76	138,495	78,888	60,000
CVJC2201	8/15/2022	14	20:1	10,400	27.95%	1,300	10	0.00%	0	7,799.95	186,399	159,999	127,100
CHPG2202	9/21/2022	51	7.56:1	297,300	37.49%	1,100	20	0.00%	0	6,398.38	41,898	53,888	22,800
CHDB2204	9/26/2022	56	2:1	10,200	38.63%	1,700	80	0.00%	54	1.49	33,000	31,500	24,700
CACB2201	9/20/2022	50	3.2:1	113,200	28.95%	1,500	260	0.00%	55	4.75	31,111	35,500	25,000
CVHM2210	1/3/2023	155	16:1	526,800	25.51%	1,000	290	-3.33%	16	18.25	97,439	79,999	60,000
CPDR2203	9/20/2022	50	10:1	20,700	31.25%	1,100	120	-7.69%	11	11.27	72,899	65,999	53,600
CKDH2206	9/20/2022	50	7.26:1	250,600	35.51%	1,100	100	-16.67%	15	6.64	69,936	52,999	38,500
CVIC2205	10/20/2022	80	16:1	663,400	26.86%	1,100	150	-16.67%	3	56.34	98,346	86,666	64,700
CVHM2206	9/26/2022	56	4.85:1	18,100	25.51%	1,790	90	-18.18%	0	391.17	84,918	86,000	60,000
CVIC2204	8/22/2022	21	16:1	93,200	26.86%	1,000	20	-33.33%	0	5,750.95	130,693	83,333	64,700

Tổng 5,655,700 34.26%**

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất Lãi suất phi rủi ro là 4.75% **Trung bình độ lệch chuẩn	CR: Tỷ lệ chuyển đổi Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
------------	--	---

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 01/08/2022, các chứng quyền tăng theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2201 và CHPG2212 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 3233.33% và 100.00%. Giá trị giao dịch tăng 6.87%, CHPG2214 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.41% thị trường.
- CHPG2206, CVNM2205, CHPG2207, và CHPG2210 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CPNJ2203, CKDH2209, CHDB2208, và CMBB2206 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CPNJ2201, CSTB2214 và CPNJ2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	61.3	0.5%	0.6	3,901	8.6	3,515	17.4	4.0	49.0%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	117.0	2.6%	0.6	1,233	2.6	5,308	22.0	3.5	49.0%	19.9%
BVH	Bảo hiểm	59.2	2.4%	1.2	1,911	5.5	2,380	24.9	2.0	26.6%	8.3%
PVI	Bảo hiểm	45.6	-2.1%	0.7	464	0.1	3,287	13.9	1.3	58.5%	9.9%
VIC	Bất động sản	64.7	1.1%	0.5	10,729	3.5	(138) #N/A	N/A	2.4	12.2%	-0.4%
VRE	Bất động sản	29.0	3.6%	1.1	2,865	2.8	571	50.8	2.1	31.8%	4.2%
VHM	Bất động sản	60.0	0.2%	0.8	11,359	4.4	6,442	9.3	2.2	23.2%	25.8%
DXG	Bất động sản	26.3	6.0%	1.4	695	12.4	1,223	21.5	1.7	29.1%	8.2%
SSI	Chứng khoán	22.8	6.8%	1.7	1,477	28.3	2,692	8.5	1.6	22.2%	22.0%
VCI	Chứng khoán	43.0	6.2%	1.0	626	11.7	4,546	9.5	2.0	18.3%	24.3%
HCM	Chứng khoán	27.1	3.6%	1.6	538	11.7	2,522	10.7	1.6	42.4%	17.5%
FPT	Công nghệ	84.0	0.6%	1.0	4,007	6.6	4,517	18.6	4.7	49.0%	27.1%
FOX	Công nghệ	72.2	0.6%	0.4	1,031	0.0	4,926	14.7	3.9	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	107.9	0.4%	1.0	8,979	2.0	6,709	16.1	3.5	2.9%	24.3%
PLX	Dầu khí	41.8	1.7%	1.5	2,309	2.0	1,950	21.4	2.1	17.6%	9.9%
PVS	Dầu khí	23.5	2.2%	1.6	488	6.8	1,115	21.1	0.9	8.9%	4.4%
BSR	Dầu khí	24.4	-0.4%	0.8	3,289	15.5	2,108	11.6	2.0	41.1%	19.1%
DHG	Dược	92.0	-0.3%	0.3	523	0.0	6,361	14.5	3.2	54.2%	23.1%
DPM	Hóa chất	45.5	1.9%	1.3	773	3.7	12,920	3.5	1.5	15.9%	50.2%
DCM	Hóa chất	30.1	2.6%	1.2	692	5.5	7,062	4.3	1.6	9.0%	44.8%
VCB	Ngân hàng	77.0	3.1%	0.8	15,844	5.2	#N/A	N/A	#N/A	23.5%	#VALUE!
BID	Ngân hàng	39.0	4.6%	1.2	8,577	5.6	2,574	15.2	2.2	16.9%	15.1%
CTG	Ngân hàng	28.7	5.5%	1.5	5,997	10.6	3,056	9.4	1.4	26.6%	15.1%
VPB	Ngân hàng	29.1	1.4%	1.2	5,624	16.0	3,755	7.8	1.4	17.6%	22.2%
MBB	Ngân hàng	26.5	3.3%	1.3	4,353	13.7	4,160	6.4	1.5	23.2%	26.0%
ACB	Ngân hàng	25.0	1.6%	1.1	3,671	4.8	3,482	7.2	1.6	30.0%	25.4%
BMP	Nhựa	61.5	2.7%	0.7	219	0.1	4,413	13.9	2.1	85.4%	15.2%
NTP	Nhựa	41.4	3.8%	0.6	233	0.2	3,914	10.6	1.8	17.8%	18.0%
MSR	Tài nguyên	20.0	2.6%	1.6	956	0.3	178	112.4	1.5	10.1%	1.4%
HPG	Thép	22.8	6.0%	1.1	5,764	37.1	4,747	4.8	1.3	20.4%	31.8%
HSG	Thép	18.1	6.8%	1.5	392	9.1	4,213	4.3	0.8	6.6%	19.3%
VNM	Tiêu dùng	73.5	1.0%	0.6	6,679	8.0	4,055	18.1	4.5	54.7%	25.8%
SAB	Tiêu dùng	183.0	1.7%	0.8	5,102	1.7	7,018	26.1	5.1	62.7%	21.0%
MSN	Tiêu dùng	109.4	3.1%	1.0	6,772	3.5	7,172	15.3	5.3	28.8%	40.2%
SBT	Tiêu dùng	18.4	1.9%	1.6	502	2.0	1,381	13.3	1.3	8.1%	8.3%
ACV	Vận tải	88.2	1.4%	0.8	8,348	0.2	363	243.1	5.1	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	127.1	1.1%	1.1	2,993	2.4	361	351.6	4.0	16.8%	1.2%
HVN	Vận tải	17.0	2.7%	1.7	1,632	1.7	(4,381) #N/A	N/A	#N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	52.5	5.0%	0.9	688	4.1	2,702	19.4	2.3	46.0%	12.5%
PVT	Vận tải	19.6	3.7%	1.4	276	1.9	2,000	9.8	1.2	13.4%	12.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	74.7	2.5%	0.8	520	0.3	10,540	7.1	2.3	3.1%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	60.8	-0.7%	0.7	1,185	4.1	4,345	14.0	3.5	5.7%	27.6%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.5	2.2%	1.1	274	0.9	506	32.6	1.2	1.9%	3.6%
CTD	Xây dựng	62.0	2.8%	1.2	199	4.1	(961) #N/A	N/A	0.6	51.9%	0.0%
CII	Xây dựng	20.8	4.0%	1.5	228	5.6	1,253	16.6	1.0	10.6%	6.3%
REE	Điện	76.0	1.1%	-1.4	1,174	3.2	6,593	11.5	1.9	49.1%	17.7%
PC1	Điện	37.2	0.0%	-0.4	380	3.6	2,077	17.9	1.8	4.7%	10.5%
POW	Điện	13.5	1.1%	0.6	1,375	6.2	674	20.0	1.1	2.2%	5.3%
NT2	Điện	26.2	0.8%	0.6	328	1.8	3,116	8.4	1.7	14.3%	20.9%
KBC	Khu công nghiệp	39.6	4.9%	1.5	1,320	15.0	866	45.7	2.1	19.2%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	75.4	3%	0.9	3,393	0.7	1,475	51.1	4.5	2.7%	11.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	77.00	3.08	2.76	1.58MLN
BID	39.00	4.56	2.18	3.37MLN
HPG	22.80	6.05	1.91	38.14MLN
CTG	28.70	5.51	1.83	8.64MLN
MSN	109.40	3.11	1.19	730600

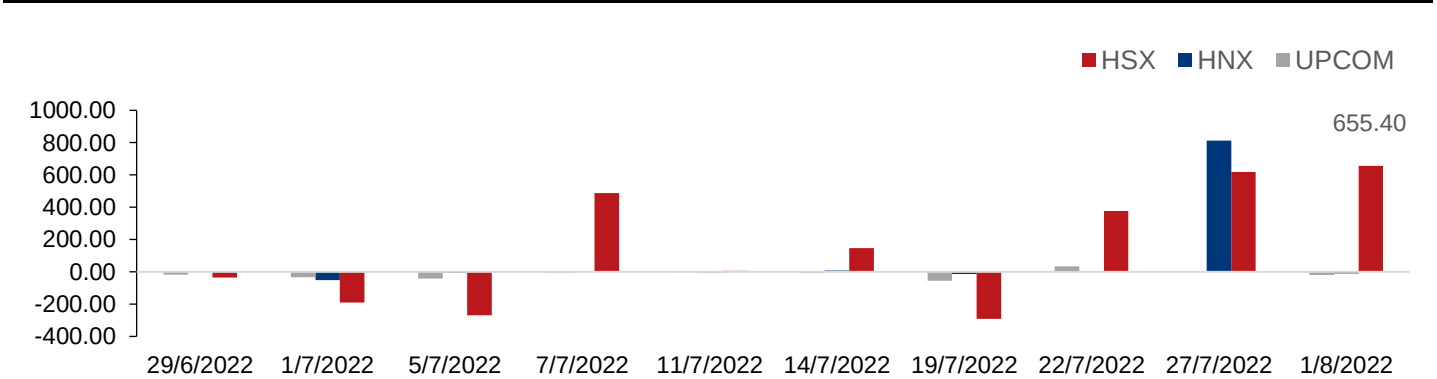
Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
HNG	-0.01	-0.12	21.59MLN	1.11MLN
VSH	0.00	-0.08	287300	607060
SVC	-0.01	-0.06	100	373600
HDG	0.00	-0.05	2.79MLN	192700
VGC	0.00	-0.05	1.53MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNL	20.80	6.94	0.00	21500.00
TLG	54.00	6.93	0.07	969300
FTS	33.95	6.93	0.08	1.63MLN
DAH	8.09	6.87	0.01	624700
VND	20.40	6.81	0.40	42.53MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PJT	10.60	-7.83	-0.01	3700
SVC	99.40	-6.93	-0.06	100
SVI	66.10	-6.90	-0.02	900.00
DTT	14.25	-6.86	0.00	2900
HNG	6.08	-6.32	-0.12	21.59MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	45.5	12,920	3.5	1.5	Click
2	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	16.5	506	32.6	1.2	Click
3	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	26.2	3,116	8.4	1.7	Click
4	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	17.5	0	154.6	0.6	Click
5	LHG	BDS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	36.8	2,692	13.7	1.2	Click
6	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	23.4	1,187	19.7	1.8	Click
7	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	37.2	2,077	17.9	1.8	Click
8	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	13.5	674	20.0	1.1	Click
9	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	19.0	7,108	2.7	0.8	Click
10	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	76.0	6,593	11.5	1.9	Click
11	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	34.9	4,406	7.9	0.9	Click
12	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	107.9	6,709	16.1	3.5	Click
13	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	45.0	3,842	11.7	2.1	Click
14	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	22.8	4,747	4.8	1.3	Click
15	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	16.7	4,170	4.0	1.8	Click
16	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	24.4	2,108	11.6	2.0	Click
17	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	68.0	3,789	17.9	5.7	Click
18	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	117.0	5,308	22.0	3.5	Click
19	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	15.0	1,701	8.8	0.6	Click
20	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	26.2	3,116	8.4	1.7	Click
21	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	71.1	10,782	6.6	1.4	Click
22	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	74.0	4,874	15.2	4.8	Click
23	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	37.2	2,077	17.9	1.8	Click
24	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	15.2	66	229.8	0.8	Click
25	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	84.0	4,517	18.6	4.7	Click
26	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	28.7	2,279	12.6	1.9	Click
27	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	19.0	7,108	2.7	0.8	Click
28	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	13.5	674	20.0	1.1	Click
29	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	117.0	5,308	22.0	3.5	Click
30	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	61.3	3,515	17.4	4.0	Click
31	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	19.6	2,000	9.8	1.2	Click
32	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	91.0	12,412	7.3	3.7	Click
33	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	22.8	4,747	4.8	1.3	Click
34	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	39.6	866	45.7	2.1	Click
35	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	23.0	5,207	4.4	1.4	Click
36	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	26.3	1,223	21.5	1.7	Click
37	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	60.9	4,503	13.5	4.6	Click
38	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	45.0	3,842	11.7	2.1	Click
39	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	27.7	2,906	9.5	1.9	Click
40	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	82.2	11,153	7.4	2.1	Click
41	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	28.2	1,941	14.5	1.3	Click
42	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	45.6	3,287	13.9	1.3	Click
43	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	23.5	1,115	21.1	0.9	Click
44	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	107.9	6,709	16.1	3.5	Click
45	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	21.1	4,011	5.3	1.4	Click
46	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	62.0	-961	#N/A N/A	0.6	Click
47	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	15.0	1,701	8.8	0.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
2	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
5	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
6	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
7	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
8	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
9	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
11	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
12	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
13	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
14	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
15	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
16	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
17	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
19	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
20	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
23	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
24	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
26	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
27	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
28	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
29	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
30	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
31	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
32	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
33	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
34	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
36	Banking Sector Outlook		x	Click
37	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
39	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
40	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
41	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
42	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
43	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
44	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639